

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 16- 6- 2020  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Ngọc Quân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Trung Hiếu– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố D tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Ngọc Trung K, sinh năm 1980; địa chỉ: khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Đặng Ngọc Trung K sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số quyền số 01, cấp ngày 05/8/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh K không có trách nhiệm với vợ con và có mối quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài vì vậy mà thường

xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm nay, chị H xác định không còn tình cảm với chồng, yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai người con chung, tên Đặng Ngọc C, sinh ngày 24/9/2010 và Đặng Thanh H, sinh ngày 13/11/2015, hiện hai cháu đang sống cùng nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung khi ly hôn và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố và không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

*- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét là phù hợp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 27/5/2020 và ngày 16/6/2020 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Năm 2009 chị Trần Thị H và anh Đặng Ngọc Trung K tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số quyền số 01, cấp ngày 05/8/2009 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[2.2] Nguyên đơn xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do cả hai người không hợp tính tình, bị đơn sống không có trách nhiệm với vợ con, có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài mặc dù bị đơn đã được nguyên đơn khuyên nhủ và cho nhiều cơ hội nhưng vẫn không thay đổi. Từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, làm cho không khí gia đình ngột ngạt nên tình

cảm của nguyên đơn giành cho chồng cũng phai nhạt dần. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập bị đơn đến làm việc, hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn không có mặt. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của bị đơn đối với nguyên đơn thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

[2.3] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc bị đơn không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân với nguyên đơn cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận.

[2.4] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Đặng Ngọc Trung K có hai con chung tên Đặng Ngọc C, sinh ngày 24/9/2010 và Đặng Thanh H, sinh ngày 13/11/2015. Hiện con chung đang ở cùng với mẹ nên nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án niêm yết các văn bản có nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về vấn đề này cho bị đơn nhưng không có ý kiến phản đối gì; mặt khác yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của con chung. Xét thấy, cháu C và từ nhỏ đến nay sống chung với mẹ và được quan tâm chăm sóc nhiều, hiện vẫn phát triển tốt. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.5] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp quy định pháp luật nên Tòa án ghi nhận.

[2.6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.7] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

[2.8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con với anh Đặng Ngọc Trung K.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Đặng Ngọc Trung K (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số quyền số 01, cấp ngày 05/8/2009 của UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An).

- Về con chung: Anh Đặng Ngọc Trung K giao hai người con chung tên Đặng Ngọc C, sinh ngày 24/9/2010 và Đặng Thanh H, sinh ngày 13/11/2015 cho chị Trần Thị H tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận tự nguyện của chị Trần Thị H không yêu cầu anh Đặng Ngọc Trung K cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị H, anh K đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Chị H phải tạo điều kiện cho anh K trong việc thăm nom, chăm sóc con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0039998 ngày 10/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thành phố D (1);
- Chi cục THADS thành phố D (1);
- UBND xã Q, h Q (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Ngọc Quân**